

Số: 1312A/TB-ĐHM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh trình độ đại học hình thức Đào tạo từ xa (Đợt 4 năm 2025)

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 2681/KH-ĐHM ngày 01 tháng 11 năm 2024 về Kế hoạch tuyển sinh đại học hình thức Đào tạo từ xa năm 2025;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2025.

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc tuyển sinh Đại học hình thức Đào tạo từ xa đợt 4 năm 2025 tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và tại các đơn vị phối hợp đào tạo, cụ thể như sau:

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (theo hình thức chính quy hoặc giáo dục thường xuyên), hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương, tính đến thời điểm xét tuyển;
- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng theo hướng chuyên môn phù hợp.
- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp Đại học.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh, Trường dừng tiếp nhận hồ sơ khi tuyển sinh và xét tuyển đủ chỉ tiêu.

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

3.1. Đối tượng có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học:

- Trường xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập của trình độ cao đẳng, đại học.
- Điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tích lũy ở bậc cao đẳng, đại học.
- Ngưỡng xét tuyển từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10) hoặc từ 2,0 trở lên (tính theo thang điểm 4), điểm trúng tuyển xét từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

3.2. Đối tượng có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT):

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc trung học phổ thông (học bạ). Thí sinh có tổng điểm trung bình của 3 môn học cả năm lớp 12, thuộc các tổ hợp xét tuyển với ngành đăng ký dự tuyển đạt mức điểm do Hội đồng tuyển sinh quy định.

3.3. Đối với ngành Ngôn ngữ Anh:

- Trường tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào cho những thí sinh đã tốt nghiệp THPT, cụ thể:

+ Đạt: khi 2/4 kỹ năng đạt trình độ Pre – Intermediate. Thí sinh hoàn tất thủ tục nhập học.

+ Không đạt: khi 3/4 kỹ năng không đạt trình độ Pre – Intermediate. Thí sinh hoàn tất thủ tục nhập học, đồng thời phải đăng ký thêm môn **tiếng Anh nâng cao 4, tiếng Anh nâng cao 5** trong học kỳ đầu tiên.

- Đối với thí sinh đã tốt nghiệp Cao đẳng ngành Ngôn ngữ Anh hoặc đã có chứng chỉ tiếng Anh bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương theo quy định của Trường, và còn trong thời hạn hai năm kể từ ngày cấp đến ngày nộp chứng chỉ được xét miễn giảm sẽ được miễn thực hiện kiểm tra tiếng Anh đầu vào

4. Các ngành, tổ hợp xét tuyển

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh	7340101	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D01: Toán, Ngữ Văn, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh; B08: Toán, Sinh, Anh; X06: Toán, Lý, Tin học; X10: Toán, Hóa, Tin học; X26: Toán, Anh, Tin học; C01: Ngữ Văn, Toán, Lý; C02: Ngữ Văn, Toán, Hóa; X02: Toán, Ngữ Văn, Tin học; X79: Ngữ Văn, Tin học, Anh.
2	Quản trị nhân lực	7340404	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D01: Toán, Ngữ Văn, Anh; C03: Ngữ Văn, Toán, Sử; D09: Toán, Sử, Anh; X27: Toán, Công nghệ công nghiệp, Anh; X06: Toán, Lý, Tin học; X56: Toán, Tin học, Công nghệ công nghiệp; X26: Toán, Anh, Tin học; C01: Ngữ Văn, Toán, Lý; X02: Toán, Ngữ Văn, Tin học; X79: Ngữ Văn, Tin học, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh.
3	Kinh doanh quốc tế	7340120	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D01: Toán, Ngữ Văn, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh; B08: Toán, Sinh, Anh; X06: Toán, Lý, Tin học; X10: Toán, Hóa, Tin học; X26: Toán, Anh, Tin học; C01: Ngữ Văn, Toán, Lý;

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
			C02: Ngữ Văn, Toán, Hóa; X02: Toán, Ngữ Văn, Tin học; X79: Ngữ Văn, Tin học, Anh.
4	Marketing	7340115	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D01: Toán, Ngữ Văn, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh; B08: Toán, Sinh, Anh; X06: Toán, Lý, Tin học; X10: Toán, Hóa, Tin học; X26: Toán, Anh, Tin học; C01: Ngữ Văn, Toán, Lý; C02: Ngữ Văn, Toán, Hóa; X02: Toán, Ngữ Văn, Tin học; X79: Ngữ Văn, Tin học, Anh.
5	Kế toán	7340301	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D01: Ngữ Văn, Toán, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh; X25: Toán, GDKT&PL, Anh; X06: Toán, Lý, Tin học; X10: Toán, Hóa, Tin học; X26: Toán, Anh, Tin học; C01: Ngữ Văn, Toán, Lý; C02: Ngữ Văn, Toán, Hóa; X02: Toán, Ngữ Văn, Tin học; X79: Ngữ Văn, Tin học, Anh.
6	Kiểm toán	7340302	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D01: Ngữ Văn, Toán, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh; X25: Toán, GDKT&PL, Anh; X06: Toán, Lý, Tin học; X10: Toán, Hóa, Tin học; X26: Toán, Anh, Tin học; C01: Ngữ Văn, Toán, Lý; C02: Ngữ Văn, Toán, Hóa; X02: Toán, Ngữ Văn, Tin học; X79: Ngữ Văn, Tin học, Anh.
7	Ngôn ngữ Anh	7220201	A01: Toán, Lý, Anh; D01: Ngữ Văn, Toán, Anh;

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
			D07: Toán, Hóa, Anh; D14: Ngữ Văn, Sử, Anh; D15: Ngữ Văn, Địa, Anh; X78: Ngữ Văn, GDKT&PL, Anh; D78: Ngữ Văn, Khoa học xã hội**, Anh.
8	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	A01, AH3, D26, D27, D28, D29, D30: Toán, Lý, Ngoại ngữ*; AH2, D07, D21, D22, D23, D24, D25: Toán, Hóa, Ngoại ngữ*; D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2: Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ*; DH5, D14, D61, D62, D63, D64, D65: Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ*; DH1, D15, D41, D42, D43, D44, D45: Ngữ Văn, Địa, Ngoại ngữ*; X78, X82, X86, X90, X94, X98, Y03: Ngữ Văn, GDKT&PL, Ngoại ngữ*; D78, D79, D80, D81, D82, D83: Ngữ Văn, Khoa học xã hội**, Ngoại ngữ*.
9	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	A01, AH3, D26, D27, D28, D29, D30: Toán, Lý, Ngoại ngữ*; Toán, Hóa, Ngoại ngữ*; D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2: Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ*; DH5, D14, D61, D62, D63, D64, D65: Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ*; DH1, D15, D41, D42, D43, D44, D45: Ngữ Văn, Địa, Ngoại ngữ*; X78, X82, X86, X90, X94, X98, Y03: Ngữ Văn, GDKT&PL, Ngoại ngữ*; D78, D79, D80, D81, D82, D83: Ngữ Văn, Khoa học xã hội**, Ngoại ngữ*
10	Luật kinh tế	7380107	D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2: Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ*; C03: Ngữ Văn, Toán, Sử; X01: Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL; A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; C00: Ngữ Văn, Sử, Địa; X70: Ngữ Văn, Sử, GDKT&PL;



STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
			DH5, D14, D61, D62, D63, D64, D65: Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ*.
11	Luật	7380101	D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2: Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ*; C03: Ngữ Văn, Toán, Sử; X01: Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL; A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; C00: Ngữ Văn, Sử, Địa; X70: Ngữ Văn, Sử, GDKT&PL; DH5, D14, D61, D62, D63, D64, D65: Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ*.
12	Tài chính Ngân hàng	7340201	A00: Toán, Lý, Hóa; A01, AH3, D26, D27, D28, D29, D30: Toán, Lý, Ngoại ngữ; AH2, D07, D21, D22, D23, D24, D25: Toán, Hóa, Ngoại ngữ; X02: Toán, Ngữ Văn, Tin học; X03: Toán, Ngữ Văn, Công nghệ công nghiệp; X04: Toán, Ngữ Văn, Công nghệ nông nghiệp; X10: Toán, Hóa, Tin học; X11: Toán, Hóa, Công nghệ công nghiệp; X12: Toán, Hóa, Công nghệ nông nghiệp; X07: Toán, Lý, Công nghệ công nghiệp; X08: Toán, Lý, Công nghệ nông nghiệp; X06: Toán, Lý, Tin học; D01: Ngữ Văn, Toán, Anh.
13	Công nghệ thông tin	7480201	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; C01: Ngữ văn, Toán, Lý; C02: Ngữ văn, Toán, Hóa; D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh; D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh; X06: Toán, Lý, Tin học; X10: Toán, Hóa, Tin học; X26: Toán, Tiếng Anh, Tin học; X02: Toán, Ngữ văn, Tin học.
14	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh;

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
			X06: Toán, Lý, Tin học; X07: Toán, Lý, Công nghệ công nghiệp; X08: Toán, Lý, Công nghệ nông nghiệp; X10: Toán, Hóa, Tin học; X11: Toán, Hóa, Công nghệ công nghiệp; X12: Toán, Hóa, Công nghệ nông nghiệp; D07: Toán, Hóa, Anh; X26: Toán, Tin học, Anh; X27: Toán, Anh, Công nghệ công nghiệp; X28: Toán, Anh, Công nghệ nông nghiệp; X56: Toán, Tin, Công nghệ công nghiệp; X57: Toán, Tin, Công nghệ nông nghiệp; D01: Ngữ Văn, Toán, Anh.
15	Quản lý xây dựng	7580302	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; X06: Toán, Lý, Tin học; X07: Toán, Lý, Công nghệ công nghiệp; X08: Toán, Lý, Công nghệ nông nghiệp; X10: Toán, Hóa, Tin học; X11: Toán, Hóa, Công nghệ công nghiệp; X12: Toán, Hóa, Công nghệ nông nghiệp; D07: Toán, Hóa, Anh; X26: Toán, Tin học, Anh; X27: Toán, Anh, Công nghệ công nghiệp; X28: Toán, Anh, Công nghệ nông nghiệp; X56: Toán, Tin, Công nghệ công nghiệp; X57: Toán, Tin, Công nghệ nông nghiệp; D01: Ngữ Văn, Toán, Anh.
16	Xã hội học	7310301	D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2: Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ*; C00: Ngữ Văn, Sử, Địa; DH5, D14, D61, D62, D63, D64, D65: Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ*; DH1, D15, D41, D42, D43, D44, D45: Ngữ Văn, Địa, Ngoại ngữ*; X01: Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL; X78, X82, X86, X90, X94, X98, Y03: Ngữ Văn, GDKT&PL, Ngoại ngữ*; X70: Ngữ Văn, Sử, GDKT&PL; X74: Ngữ Văn, Địa, GDKT&PL; A01: Toán, Lý, Anh; D78: Ngữ văn, Khoa học xã hội**, Anh.

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
17	Công tác xã hội	7760101	D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2: Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ*; C00: Ngữ Văn, Sử, Địa; DH5, D14, D61, D62, D63, D64, D65: Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ*; DH1, D15, D41, D42, D43, D44, D45: Ngữ Văn, Địa, Ngoại ngữ*; X01: Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL; X78, X82, X86, X90, X94, X98, Y03: Ngữ Văn, GDKT&PL, Ngoại ngữ*; X70: Ngữ Văn, Sử, GDKT&PL; X74: Ngữ Văn, Địa, GDKT&PL; A01: Toán, Lý, Anh; D78: Ngữ văn, Khoa học xã hội**, Anh.
18	Quản lý công	7340403	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh; D01: Ngữ Văn, Toán, Anh; D09: Toán, Sử, Anh; X06: Toán, Lý, Tin học; X10: Toán, Hóa, Tin học; X26: Toán, Anh, Tin học; X11: Toán, Hóa, Công nghệ công nghiệp; X07: Toán, Lý, Công nghệ công nghiệp.
19	Công nghệ sinh học	7420201	B00: Toán, Hóa, Sinh; B08: Toán, Sinh, Anh; X57: Toán, Tin học, Công nghệ nông nghiệp; X56: Toán, Tin học, Công nghệ công nghiệp; D07: Toán, Hóa, Anh; A00: Toán, Lý, Hóa; X10: Toán, Hóa, Tin học; X12: Toán, Hóa, Công nghệ nông nghiệp; X11: Toán, Hóa, Công nghệ công nghiệp; A02: Toán, Sinh, Lý.
20	Công nghệ thực phẩm	7540101	D07: Toán, Hóa, Anh; A00: Toán, Lý, Hóa; B00: Toán, Hóa, Sinh; A01: Toán, Lý, Anh; B08: Toán, Sinh, Anh.

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
21	Đông Nam á học	7310620	D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2: Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ*; C00: Ngữ Văn, Sử, Địa; DH5, D14, D61, D62, D63, D64, D65: Ngữ Văn, Sử, Ngoại ngữ*; DH1, D15, D41, D42, D43, D44, D45: Ngữ Văn, Địa, Ngoại ngữ*; X01: Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL; X78, X82, X86, X90, X94, X98, Y03: Ngữ Văn, GDKT&PL, Ngoại ngữ*; X70: Ngữ Văn, Sử, GDKT&PL; X74: Ngữ Văn, Địa, GDKT&PL; A01: Toán, Lý, Anh; D78: Ngữ văn, Khoa học xã hội**, Anh.
22	Du lịch	7810101	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D01: Ngữ Văn, Toán, Anh; C03: Ngữ Văn, Toán, Sử; D10: Toán, Địa, Anh; D09: Toán, Sử, Anh; X27: Toán, Công nghệ công nghiệp, Anh; X06: Toán, Lý, Tin học; X26: Toán, Anh, Tin học; X56: Toán, Tin học, Công nghệ công nghiệp; D15: Ngữ Văn, Địa, Anh; D14: Ngữ Văn, Sử, Anh.

Ghi chú:

*Ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật và Tiếng Hàn.

Đối với ngành Luật, Luật kinh tế: Ngoại ngữ gồm Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Nhật.

**Khoa học xã hội: Chọn 1 trong 3 môn Sử/Địa/Giáo dục Công dân.

- Thí sinh chọn một trong các tổ hợp trên để đăng ký xét tuyển cho ngành dự tuyển.
- Điểm xét tuyển là Điểm trung bình các môn học năm lớp 12 trong tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.
- Điểm chấp nhận hồ sơ: Điểm xét tuyển ≥ 12 điểm.
- Nguyên tắc xét tuyển: Điểm xét tuyển của các tổ hợp khác nhau do thí sinh đăng ký có giá trị như nhau và được lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu của ngành xét tuyển.
- Thí sinh mất học bạ vui lòng liên hệ trường THPT để cấp bảng điểm lớp 12 thay học bạ.

5. Phương thức đào tạo: Kết hợp (trực tiếp + trực tuyến).

6. Tổ chức đào tạo:

a) Chương trình đào tạo

Thực hiện theo Chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo từ xa, phương thức đào tạo theo tín chỉ. Thí sinh trúng tuyển được xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và được miễn trừ các môn học đã được đào tạo tương đương theo quy định. Khối lượng được xét miễn không vượt quá 50% khối lượng chương trình đào tạo toàn khoá tại Trường.

b) Thời gian đào tạo và tổ chức lớp học

- Từ 2 - 3 năm: đối với thí sinh đã tốt nghiệp Cao đẳng hoặc đã tốt nghiệp Đại học.
- Từ 4 - 5 năm: đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT. Sinh viên có thể tăng cường độ học để hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn.
- Tổ chức lớp học: Lịch học và lịch thi được bố trí vào các ngày thứ Bảy và Chủ nhật hoặc các buổi tối trong tuần.
- Tham khảo chương trình đào tạo tại <http://www.oude.edu.vn/department/index>

7. Văn bằng tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Đại học với học vị cử nhân, kỹ sư do Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh cấp, được học tiếp lên các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ. Văn bằng tốt nghiệp không thể hiện hình thức đào tạo.

8. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

- Phiếu dự tuyển theo mẫu của trường (có dán ảnh màu cỡ 3x4).
- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường.
- Các bản sao và giấy tờ liên quan:
 - + Đối với thí sinh có bằng Đại học, Cao đẳng: Nộp 03 bản sao bằng tốt nghiệp Đại học/ Cao đẳng và 03 bản sao bằng Đại học/ Cao đẳng; 03 bản sao bằng THPT.
 - + Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập bậc Trung học phổ thông (học bạ): Nộp 02 bản sao bằng tốt nghiệp THPT (hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời) và học bạ THPT.
- 01 bản sao giấy khai sinh;
- 01 bản sao căn cước công dân;
- 03 ảnh màu cỡ 3x4 (ảnh mới chụp trong vòng 06 tháng có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh ở mặt sau ảnh).

Lưu ý:

- Tất cả các giấy tờ phải có thị thực của cơ quan cấp bằng hoặc cơ quan có thẩm quyền và đựng trong phong bì do Trường phát hành.
- Trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục hợp pháp ở nước ngoài hoặc do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng của Trường được công bố trong đề án tuyển sinh tại: <https://www.oude.edu.vn/student/đề-án-tuyển-sinh-87>
- Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên – khu vực chính sách (nếu có): Nộp phiếu đăng ký xét đối tượng chính sách ưu tiên – khu vực (kèm giấy tờ minh chứng), Nhà Trường sẽ xem xét theo qui định hiện hành.

9. Thời gian phát và nhận hồ sơ:

- Thời gian nhận hồ sơ từ ngày ra thông báo đến hết ngày: **16/08/2025**.

- Thí sinh nhập thông tin hồ sơ nhập học online theo link: <https://hoso.oude.edu.vn/dttx/>
- Thí sinh xem thông tin hướng dẫn nhập hồ sơ tại:

<https://drive.google.com/file/d/1gP8lxxYv9yFnnWSqVQ8LcfiBeKCY65K4/view?usp=drivesdk>

- Nếu thí sinh đăng ký học tại các đơn vị phối hợp đào tạo: gửi hồ sơ bản giấy về địa chỉ của các đơn vị phối hợp đào tạo theo thông tin trong danh sách đính kèm.

- Nếu thí sinh đăng ký học tại cơ sở của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh: gửi hồ sơ bản giấy đến Trung tâm Đào tạo từ xa – Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng 005, số 97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Công bố kết quả trúng tuyển và khai giảng:

- Công bố kết quả trúng tuyển: dự kiến **27/08/2025**.
- Khai giảng và nhập học: dự kiến tháng **09/2025**.

11. Tạm thu học phí học kỳ 1 (dự kiến): (Mức học phí này đã bao gồm học liệu)

- 3.690.000đ/thí sinh đối với các ngành Công nghệ thông tin, ngành Công nghệ kỹ thuật công trình Xây dựng, ngành Công nghệ Thực phẩm và ngành Công nghệ Sinh học.
- 3.420.000đ/thí sinh đối với các ngành còn lại.

12. Thông tin liên hệ: Mọi thông tin về công tác tuyển sinh, thí sinh liên hệ trực tiếp tại các đơn vị phối hợp đào tạo (nơi phát hành và nhận hồ sơ) hoặc:

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (Trung tâm Đào tạo Từ xa)

Địa chỉ: Số 97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 18006119 (phím 1) – Email: tuvantuyensinh@oude.edu.vn

Thông báo được đăng tại website: www.oude.edu.vn

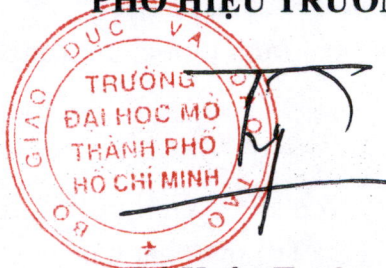
Thông này thay thế cho Thông báo số 1312/TB-ĐHM ngày 18 tháng 6 năm 2025.

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Đơn vị phối hợp;
- Các đơn vị liên quan;
- P. TT- PC;
- Lưu: VT, TTĐTTX, TL (63).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Xuân Trường

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA ĐỢT 4 NĂM 2025**

(Kèm theo thông báo số: 1312A/TB-ĐHM ngày 18/6/2025
của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Đơn vị phối hợp đào tạo	Địa chỉ
1	Trung tâm Chính trị Quận 3	Số 39 Trần Quốc Thảo, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Liên hệ Cô Ninh Thị Tuyết Trang Thanh – ĐT: 0984 707 879)
2	Trung tâm Chính trị Quận 4	Số 85-87 Tân Vĩnh, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (ĐT: 028 3826 5906)
3	Trung tâm Chính trị Quận Gò Vấp	Số 330 đường Thống Nhất, Phường 16, Quận Gò Vấp (Liên hệ Cô Oanh - ĐT: 0918 666 010)
4	Trung tâm Chính trị Quận Phú Nhuận	Số 178 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (ĐT: 028 3844 3101)
5	Trung tâm Chính trị Quận Tân Bình	Số 730/9 Lạc Long Quân, Phường 9, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Liên hệ Thầy Bùi Xuân Cường - ĐT: 0907 589 598)
6	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện Long Thành	Khu 12, Xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Liên hệ Cô Hồ Thị Minh Thanh – ĐT: 0773 092 853)
7	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk	Thôn Tân Lập, Xã Cư M'ta, huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk (Liên hệ Thầy Trịnh Công Tiến – ĐT: 0905 050 306)
8	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện Nhà Bè	Số 189 Nguyễn Văn Tạo, Ấp 1, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TPHCM (Liên hệ Thầy Lê Hữu Tân – ĐT: 028 3780 0059)
9	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện Thống Nhất, Đồng Nai	Khu Hành chính mới huyện Thống Nhất, Đồng Nai (Liên hệ Thầy Trọng Thạch Nguyên – ĐT: 0912 128 586 - 0613 762 003)
10	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên huyện Xuân Lộc	Số 01 Lê Quý Đôn, khu phố 6, Thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (Liên hệ Thầy Nguyễn Hữu Lộc - ĐT: 0908 474 142 - Zalo: 0933 407 960)
11	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Nhơn Trạch, Đồng Nai	Đường D4 , ấp 5, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch (Liên hệ Cô Nguyễn Thị Lan Sang – ĐT: 0784 904 304)
12	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Quận 6	Số 743/15 Hồng Bàng, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (Liên hệ Cô Đặng Ngọc Thu – ĐT: 028 3960 1178)
13	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Quận 7	Cơ sở 1: 27/3 Đường số 10 - KP 3, P. Bình Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh - Cơ sở 2: 38A Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh. ĐT: 028 73 090 199

TT	Đơn vị phối hợp đào tạo	Địa chỉ
14	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên thị xã Lagi - Bình Thuận	Số 261 Ngô Quyền, Tân An, Thị xã Lagi, Bình Thuận (Liên hệ Cô Mỹ Thảo – ĐT: 0933 417 998)
15	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp Công đoàn Bà Rịa - Vũng Tàu.	Số 1A Nguyễn Trường Tộ, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu (Liên hệ Cô Đăng Thị Trâm – ĐT: 0352 453 468 – 0908 464 458 - 0254 3532 558)
16	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh – Sở Giáo dục đào tạo Ninh Thuận	Số 26 đường 16/4 Thành phố Phan Rang, Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (Liên hệ Thầy Đồng Chế Quốc – ĐT: 0834 516 768 - 0259 3823 883 - 0259 3830 455)
17	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên An Giang	Số 394 Lý Thái Tổ, Phường An Xuyên, Thành phố Long Xuyên, An Giang (Liên hệ Thầy Nguyễn Văn Vững - ĐT: 0847 290 879 - 0296 3841 860)
18	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Bình Định	Số 107A Thanh Niên, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định. (Thầy Trần Đức Được - 0914 427 741 - 0256 3892 319)
19	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Bình Phước	Đường Trần Hưng Đạo, Phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Liên hệ Thầy Trương Công Tướng - ĐT: 0988 212 969 - 0271 3879 609)
20	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Gia Định	Số 15/11 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức (Liên hệ Cô Hà Thị Nga - ĐT: 028 6283 8245)
21	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Hậu Giang	Số 50 Nguyễn Thái Học, Thị xã Vị Thanh, Hậu Giang (Liên hệ Cô Nguyễn Thị Kim Dung – ĐT: 0772 120 525 - 0293 387 0515)
22	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Khánh Hòa	Số 03 Trần Hưng Đạo, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. (Liên hệ Cô Nguyễn Thị Lệ 0988 741 938 - Thầy Trần Văn Thanh 0984 396 580)
23	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Phú Yên (Sở Giáo dục đào tạo Phú Yên)	Số 02 Lê Trung Kiên, Thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. (Liên hệ Cô Nguyễn Vũ Lan Anh – ĐT: 0905 360696 - 0257 3829 437)
24	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Tây Ninh	Số 7 Hẻm 18 đường Nguyễn Văn Rốp, Phường 4, Thành phố Tây Ninh (Liên hệ Thầy Ngô Văn Đăng - ĐT: 0933 481 806)
25	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Thanh Niên Xung Phong	Số 189E Đặng Công Bình, ấp 24, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (Liên hệ Thầy Phạm Văn Rising - ĐT: 0933 831 431 - 028 3713 9500)
26	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Tiền Giang	Số 07 Hùng Vương, Phường 7, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang (Liên hệ Thầy Lê Vũ Bá Hoàng – ĐT: 0848 753 237 - 0273 3874 898)
27	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Số 59 Hùng Vương, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa (Liên hệ Cô Nguyễn Thị Vững 0254 373 2761 - 0839 260 088) hoặc Số 459 Trương Công Định, phường 7, thành phố Vũng Tàu.

TT	Đơn vị phối hợp đào tạo	Địa chỉ
28	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Gia Lai	Số 61 Lý Thái Tổ, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Liên hệ Thầy Võ Văn Thủy - ĐT: 0914 234 087 - 0269 388 3172)
29	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Lâm Đồng	Số 01 Lương Thế Vinh, Phường 3, Thành phố Đà Lạt (ĐT: 0263 3717 748)
30	Trường Cao đẳng Bình Thuận	05 Tôn Thất Bách, Phường Phú Tài, Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận (Liên hệ Thầy Đoàn Văn Đồng - ĐT: 0982 789 622 - 0252 3829 348)
31	Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau	Số 126 đường 3/2, Thành phố Cà Mau, Cà Mau. (Liên hệ Cô Dương Thùy Dương - ĐT: 0918 786 976 - 02903 825 262 – 02903 828 234)
32	Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh	Số 20 Tăng Nhơn Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Liên hệ Cô Nguyễn Thị Lê 0902 668 827 - 0283 6402 985)
33	Trường Cao đẳng Kiên Giang	Số 425 Mạc Cửu, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang (Liên hệ Cô Trần Xuân Hạnh Giao - ĐT: 0918 676 656)
34	Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Singapore	Số 78 Phạm Hữu Lầu, khu phố Thống Nhất 1, Thành phố Dĩ An, Bình Dương (Liên hệ Thầy Phạm Văn Chúc Giang - ĐT: 0909 385 255 - 0650 3733 290 – 0650 3735 126)
35	Trường Cao Đẳng Viễn Đông	Công viên phần mềm, Lô 2 Đường Số 16, Quang Trung, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Liên hệ Thầy Nguyễn Ngọc Nhanh - ĐT: 028 3891 1111)
36	Trường Cao đẳng Việt Mỹ	Số 5-7-9-11, đường số 4, khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TPHCM. (Liên hệ Cô Nguyễn Thị Tuyết Mai - ĐT: 028 5433 6888 - 0908 991 983)
37	Trường Cao Đẳng Xây Dựng Thành phố Hồ Chí Minh	Số 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, Thành phố Thủ Đức (ĐT: 028 3896 2938)
38	Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ	Số 256 Nguyễn Văn Cừ, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. (Liên hệ Thầy Nguyễn Đăng Khoa – ĐT: 0917 273 266)
39	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 Long Bình	Số 259/29, Quốc lộ 51, Khu phố 1, phường Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Liên hệ Cô Bùi Thị Thanh Hằng - ĐT: 0792 996 886)
40	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 3 Bình Dương	Số 68 Lê Thị Trung, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương (Liên hệ Cô Nguyễn Thị Thanh Ngân - ĐT: 0907 550 749 - 0274 3822 456)
41	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 5 Ninh Hòa	Số 04 Tân Định, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, Khánh Hòa (Liên hệ Thầy Nguyễn Thành Công - ĐT: 0905240522 - 0258 3630 333 – 0258 3634 540)

TT	Đơn vị phối hợp đào tạo	Địa chỉ
42	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	Số 639 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Liên hệ Thầy Nguyễn Văn Sanh - ĐT: 02838 593 226 - 0372 113 001)
43	Trường Trung cấp Bách Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Số 146 Đỗ Văn Dậy, xã Tân Hiệp, Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (Liên hệ 028 3710 5908)
44	Trường Trung cấp Du lịch và Khách sạn Saigontourist	Số 23/8 Hoàng Việt, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Liên hệ Cô Nguyễn Ngọc Yến - ĐT: 0909 738 768)
45	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Số 2	Số 99/5 Phạm Văn Thuận, Phường Tam Hiệp, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai (Liên hệ Thầy Đinh Công Thủ - ĐT: 0913 169 788)
46	Trường Trung cấp Kỹ thuật – Du lịch Công đoàn Ninh Bình	Đường Triệu Việt Vương, Phường Bích Đào, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (Liên hệ Thầy Nguyễn Huy Huynh - ĐT: 0983 369 200)
47	Trường Trung cấp Nghề Củ Chi	Số 02 Nguyễn Đại Năng, khu phố 1, Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Liên hệ Thầy Nguyễn Bảo Trọng - ĐT: 0989 529 624 (zalo) - Nguyễn Thị Thanh Tuyền ĐT: 0983 745 366 (zalo))
48	Trường Trung cấp Tây Nguyên	Số 1A Lê Hồng Phong, Phường Tân Tiến, Thành phố Buôn Ma Thuột (Liên hệ Cô Đào Thị Xuân – ĐT: 0972 072 921)
49	Trường Cao đẳng Sài Gòn	Lô 14 đường số 5, Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Công viên phần mềm Quang Trung) ĐT: (028).37.155.033 - Hotline: 0968.253.307
50	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	Số 53 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức - ĐT: 028 3897 0023
51	Trường Cao đẳng Đà Lạt	Số 109 Yersin, Phường 10, Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng - ĐT: 0263 3827 063
52	Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Số 01, đường 6A, KCN Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai - ĐT: 0251 3994 011
53	Trường Chính trị Đồng Tháp	Số 411 Đường Phạm Hữu Lầu, khóm 3, Sa Đéc, Đồng Tháp (Liên hệ Thầy Nguyễn Hoài Vinh – ĐT: 0968 553 906)
54	Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp	Số 259 Thiên Hộ Dương, Phường Hoà Thuận, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. (Liên hệ Cô Ngô Thị Kim Ngà - ĐT: 0987 100 993)
55	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Bến Tre	Số 8 Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. (Liên hệ Thầy Lê Thanh Duy - ĐT: 0753 813 472 (P. Đào Tạo Dịch Vụ) - 0918 915 353)
56	Trường Cao đẳng Long An	Số 60 Quốc lộ 1A, Phường 5, Thành phố Tân An, tỉnh Long An (Liên hệ Cô Nguyễn Thị Thái Châu - ĐT: 0918 700 977)

TT	Đơn vị phối hợp đào tạo	Địa chỉ
57	Trường Cao đẳng Long An – Cơ sở Cần Giuộc	Số 97, Tỉnh Lộ 835, Khu phố Hòa Thuận 1, Thị trấn Cần Giuộc, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An (Liên hệ Cô Nguyễn Thị Dung – ĐT: 0819 456 960 - 0857 073 468)
58	Trường Cao đẳng Long An – Cơ sở Đồng Tháp Mười	Quốc Lộ 62, Khu phố 3, Phường 3, Thị xã Kiến Tường, Long An. (Liên hệ: Thầy Trần Ngọc Huy – ĐT: 02723 840 198 – 0944 310 033)
59	Trường Cao đẳng Long An – Cơ sở Đức Hòa	Số 180A Đường 3/2, Thị trấn. Hậu Nghĩa, Đức Hòa, Long An. (Liên hệ: Cô Phan Thị Kim Xuyên - ĐT: 0902 924 792)
60	Trường Cao đẳng Thủ Thiêm	Số 145 Lê Văn Thịnh, Phường Bình Trưng Đông, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. (Liên hệ Thầy Vương Ngọc Ân – ĐT: 028 6264 540)
61	Trung tâm GDNN-GDTX Phú Quốc	Số 2A - Nguyễn Chí Thanh - khu phố 11 - Dương Đông - Đặc khu Phú Quốc - tỉnh An Giang (Liên hệ Cô Lê Thị Hồng – ĐT: 0939 977 635)

20

